

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẤT ĐỎ
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2020/HNGĐ-ST

Ngày 14- 9- 2020

V/v: *Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẤT ĐỎ, TỈNH BÀ RỊA- VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Chúc

Ông Trần Văn Trọng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mai- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Khuê - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp yêu cầu ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị P - sinh năm: 1976

Địa chỉ: 300Ô/5 khu phố T, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Ông Dương Đình D - sinh năm: 1973

Địa chỉ: khu phố T, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 02 năm 2020 và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là bà Trần Thị P trình bày:

Nguyên vào năm 2002, bà Trần Thị P và ông Dương Đình D tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 100 quyển số 1 ngày 29 tháng 11 năm 2004 tại Ủy ban nhân dân xã Phước Thạnh (Cũ), huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2012 thì xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, ông D không chăm lo đi làm để đảm bảo kinh tế cuộc sống gia đình mà thường xuyên uống rượu, sau đó về nhà chửi mắng bà P bằng những lời lẽ thiếu tế nhị, điều này gây ảnh hưởng không nhỏ đến tinh thần bà P. Từ đó, vợ chồng chung sống nhưng không mang lại hạnh phúc, dù sống chung nhà nhưng không có tiếng nói chung mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai. Từ năm 2017, bà P không thể tiếp tục chung sống nên đưa cháu H và cháu A về nhà cha mẹ ruột của mình để sinh sống và hai vợ chồng ly thân nhau từ đó. Nay, bà P không còn tình cảm với ông D, đồng thời hai bên mâu thuẫn đã quá trầm trọng, không thể quay về đoàn tụ nên yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà P và ông D có với nhau 03 con chung là Dương Đình S, sinh ngày 14 tháng 11 năm 2002, Dương Thị Cẩm H, sinh ngày 7 tháng 10 năm 2004 và Dương Thị Tú A, sinh ngày 6 tháng 02 năm 2015. Khi ly hôn, bà P có yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu A và cháu H, không yêu cầu ông D cấp dưỡng; đối với cháu S thì đồng ý theo nguyện vọng của con là giao cho ông D được quyền trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà P xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Dương Đình D tại đơn trình bày ý kiến như sau:

Ông D xác định mâu thuẫn giữa bà P và ông D đã quá trầm trọng, hai người không thể tiếp tục chung sống thuận hoà, không thể quay về đoàn tụ để xây dựng gia đình hạnh phúc. Qua đơn yêu cầu của bà P, ông D đồng ý ly hôn. Về con chung thì ông D đồng ý cho bà P được trực tiếp nuôi cháu A và cháu H. Về tài sản chung và nợ chung, ông D không có ý kiến và cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ phát biểu ý kiến:

- *Về tố tụng:* Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa. Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định pháp luật.

- *Về nội dung:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Dương Đình D hiện nay có nơi sinh sống, làm việc tại huyện Đất Đỏ nên căn cứ theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

Nguyên đơn và bị đơn đã được triệu tập lần thứ nhất nhưng đều có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa nên căn cứ theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà P và ông D.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về yêu cầu ly hôn:

Xét quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị P và ông Dương Đình D trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phước Thạnh cũ (nay thuộc thị trấn Đất Đỏ), huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu. Do vậy, theo quy định tại các Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì đủ cơ sở xác định là hôn nhân hợp pháp.

Xét, quá trình chung sống, bà P và ông D đều xác định vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn trong một thời gian dài, hiện nay mâu thuẫn đã quá trầm trọng, ly thân từ năm 2017 đến nay, hai bên không thể quay về đoàn tụ. Nay, qua đơn yêu cầu ly hôn của bà P thì ông D đồng ý ly hôn. Xét, đây là sự tự nguyện của đương sự đồng thời quá trình Tòa án giải quyết cũng đã tạo điều kiện nhiều lần tổ chức cho hai bên hòa giải đoàn tụ nhưng ông D không có mặt điều này cho thấy ông D đã thực sự không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do vậy, căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà P, cho bà P ly hôn với ông D.

[2.2] Về con chung: Căn cứ vào lời trình bày của bà P và kết quả xác minh tại chính quyền địa P xác định bà P và ông D có 03 con chung là Dương Đình S, sinh ngày 14 tháng 11 năm 2002, Dương Thị Cẩm Huyền, sinh ngày 7 tháng 10 năm 2004 và Dương Thị Tú A, sinh ngày 6 tháng 02 năm 2015. Xét, theo yêu cầu của nguyên đơn, điều kiện thực tế các cháu đang sinh sống ổn định với các bên và nguyện vọng của các con chung, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu S cho ông D trực tiếp nuôi dưỡng; cháu H và cháu A cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng: bà P và ông D không ai có yêu cầu nên không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà P và ông D đều không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Trần Thị P phải chịu 300.000đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông Dương Đình D không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 56, 81, 82, 83, 85 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường Vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Cho bà Trần Thị P ly hôn với ông Dương Đình D.

2. *Về nuôi con chung*:

2.1. Giao con chung là cháu tên Dương Đình S, sinh ngày 14 tháng 11 năm 2002 cho ông Dương Đình D trực tiếp nuôi dưỡng. Ông D không có yêu cầu bà P cấp dưỡng nuôi cháu S nên không xem xét.

2.2. Giao con chung là cháu tên Dương Thị Cẩm H, sinh ngày 7 tháng 10 năm 2004 và Dương Thị Tú A, sinh ngày 6 tháng 02 năm 2015 cho bà Trần Thị P trực tiếp nuôi dưỡng. Bà P không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi cháu A và cháu H.

Sau khi ly hôn, bà P và ông D đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân gia đình 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí*:

- Bà Trần Thị P phải chịu 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tiền số TU/2019/0002463 ngày 14 tháng 02 năm 2020 của Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Đất Đỏ. Bà P đã nộp đủ tiền án phí.

- Ông Dương Đình D không phải chịu tiền án phí.

5. Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Đất Đỏ;
- Chi cục THADS huyện Đất Đỏ;
- UBND thị trấn Đất Đỏ;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thanh Tuyền

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THÀNH VIÊN HỘI THẨM XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Thanh Tuyên